TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP.VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 182/2022/QĐST- HNGĐ	*Vũng Tàu, ngày 06 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 642/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Chu Tiến B, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Đường A, Phường Q, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú: Đường A, Phường Q, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Chu Tiến B và bà Nguyễn Thị Phương D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong thời gian chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn, nay mâu thuẫn của ông bà đã thực sự trầm trọng, ông bà đều nhất trí thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Chu Tiến B và bà Nguyễn Thị Phương D có 02 con chung tên là cháu Chu Tiến Đ, sinh ngày 26/3/2017 và cháu Chu Đăng K, sinh ngày 10/11/2018. Ông B và bà D cùng thống nhất bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con, ông B cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí VHNGĐ: Ông Chu Tiến B và bà Nguyễn Thị Phương D phải nộp 150.000đ lệ phí giải quyết VHNGĐ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Chu Tiến B và bà Nguyễn Thị Phương D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Chu Tiến B và bà Nguyễn Thị Phương D có 02 con chung tên là cháu Chu Tiến Đ, sinh ngày 26/3/2017 và cháu Chu Đăng K, sinh ngày 10/11/2018. Ông B và bà D cùng thống nhất bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con, ông B cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Chu Tiến B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Chu Tiến B và bà Nguyễn Thị Phương D mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nên được khấu trừ vào 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0002596 và số 0002597 cùng ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà D và ông B đã nộp xong lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND Phường 4 TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Đã ký

Đinh Thị Hồng Hà